TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 563/2025/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 27 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 11 và 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 920/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

Bà Ngô Thị N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ 19, khu phố 8A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Ông Phạm N, sinh năm 1988

Thường trú: Thôn Tân Lập 2, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Nơi ở hiện nay: Tổ 19, khu phố 8A, phường L, thành phố V, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông N chung sống với nhau năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở tự nguyện. Điều 9, 11 và 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà N và ông N xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Trọng Đức Duy, sinh ngày 12/8/2019 và Phạm Trọng Đức Khánh, sinh ngày 05/6/2023. Khi ly hôn, bà N và ông N thống nhất thỏa thuận giao cho bà N được nuôi cháu Phạm Trọng Đức Khánh, giao cho ông N được nuôi dưỡng cháu Phạm Trọng Đức Duy, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con do không ai yêu cầu.

Vì không trực tiếp nuôi con nên bà N và ông N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà N và ông N mỗi người chịu 150.000đ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0006784 ngày 25 tháng 4 năm 2025, bà N và ông N đã nộp đủ tiền lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị N và ông Phạm N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Trọng Đức Duy, sinh ngày 12/8/2019 và Phạm Trọng Đức Khánh, sinh ngày 05/6/2023. Khi ly hôn, giao cho bà N được nuôi cháu Phạm Trọng Đức Khánh, giao cho ông N được nuôi dưỡng cháu Phạm Trọng Đức Duy, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con do không ai yêu cầu.

Vì không trực tiếp nuôi con nên bà N và ông N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà N và ông N mỗi người chịu 150.000đ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0006784 ngày 25 tháng 4 năm 2025, bà N và ông N đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND TP. B;
- THA DS TP. B;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoàng Phương